

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
Sở Kế hoạch và Đầu tư

QUY TRÌNH
LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI TỪ CƠ SỞ
Tỉnh Đắk Lắk



Buôn Ma Thuột

Tháng 8, năm 2007



Hướng Dẫn Thực Hiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
Sở Kế hoạch và Đầu tư

QUY TRÌNH
LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI TỪ CƠ SỞ
Tỉnh Đắk Lắk

Buôn Ma Thuột

Tháng 8, năm 2007



Sở Kế hoạch và Đầu tư
Đắk Lắk

Số: 2134/QĐ - UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ cơ sở

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Văn bản số 1973/TTg - QHQT, ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt dự án “Phát triển nông thôn Đắk Lắk - giai đoạn II” do Đức viện trợ không hoàn lại;

Căn cứ Thỏa thuận thực hiện giai đoạn II - Dự án Hỗ trợ kỹ thuật “Phát triển nông thôn Đắk Lắk” đã được ký kết giữa Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức (GTZ) và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, ngày 08 tháng 02 năm 2007;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 422/TTr-KHĐT ngày 14/8/2007, đề nghị ban hành Quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ cơ sở

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ cơ sở”.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ban dân tộc, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và PTNT, Giáo dục-Đào tạo, Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Buôn Ma Thuột và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c)
- Như Điều 2;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, PVP UBND tỉnh;
- Các phòng: NLN, TM, NV;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Lữ Ngọc Cư

QUY TRÌNH
LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỪ CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2134/QĐ-UBND,
ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

1. Lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội từ cơ sở:

- Lập kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội từ cơ sở (sau đây gọi tắt là lập kế hoạch từ cơ sở) là quá trình người dân tham gia bằng việc tự xây dựng kế hoạch hoạt động cho thôn, buôn, khối phố (sau đây gọi chung là thôn, buôn), góp phần vào quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã và huyện.

- Lập kế hoạch thôn, buôn: Là quá trình người dân tham gia xây dựng và đề xuất các hoạt động cho thôn, buôn mình;

- Lập kế hoạch cấp xã là quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã có sự tổng hợp, điều chỉnh kế hoạch từ thôn, buôn;

- Lập kế hoạch cấp huyện là quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp huyện có sự tổng hợp và điều chỉnh từ kế hoạch cấp xã;

(Các biểu mẫu lập kế hoạch cấp xã và thôn buôn được đính kèm trong phụ lục của tài liệu hướng dẫn này).

2. Kế hoạch trung hạn: Bao gồm các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án, các hoạt động và những giải pháp lớn để thực hiện các mục tiêu đã đề ra trong thời hạn nhiều năm (thường là 5 năm) nhằm tạo sự ra thay đổi cơ bản trong cuộc sống của người dân địa phương .

3. Kế hoạch hàng năm: Là kế hoạch được xây dựng cho thời gian 1 năm bao gồm các mục tiêu cần đạt được, những công việc cần thực hiện và các giải pháp để từng bước đạt được mục tiêu của kế hoạch trung hạn.

4. Kế hoạch mục tiêu: Là những chỉ tiêu mà cộng đồng mong muốn đạt được trong kỳ kế hoạch.

5. Kế hoạch hoạt động: Là những hoạt động cụ thể cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra. Các hoạt động phải có khối lượng, thời gian, địa điểm và trách nhiệm cụ thể của các bên tham gia.

Kế hoạch hoạt động của thôn, buôn bao gồm:

a. Danh mục các hoạt động:

+ Các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ công như: Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; hướng dẫn thành lập tổ tín dụng; tập huấn về sử dụng nước sạch, vệ sinh nông thôn; phòng chống dịch bệnh; quản lý kinh tế hộ...

+ Các hoạt động mang tính xây dựng, như: Xây dựng, sửa chữa giao thông trong thôn, buôn; xây dựng sửa chữa thủy lợi nhỏ phục vụ trực tiếp cho thôn, buôn (đập bồi, kênh mương nhỏ); mua giống vật nuôi, cây trồng...;

b. Phải có tỷ lệ đóng góp của người dân trong thôn, buôn (có thể bằng đất, tiền, công lao động, vật tư) để thực hiện các hoạt động;

c. Thôn, buôn được tham gia quản lý, giám sát quá trình thực hiện các hoạt động.

6. Giao Kế hoạch: Trên cơ sở kế hoạch đã được xác lập cũng như khả năng cân đối, huy động các nguồn lực để các cấp ra quyết định giao kế hoạch cho cấp dưới triển khai thực hiện;

7. Thực hiện kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch: là quá trình các cấp tổ chức triển khai thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các kế hoạch đã được giao;

8. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch: Là quá trình các cấp tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của cấp mình về tiến độ và chất lượng các hoạt động đã triển khai. Một năm tiến hành đánh giá 2 lần: Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm (trước khi tiến hành lập kế hoạch) và đánh giá tình hình thực hiện cả năm (vào tháng 12 hàng năm).

9. Bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân:

- Bộ công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của người dân (PRA) là phương pháp giúp cho người dân nông thôn chia sẻ, thảo luận và phân tích những hiểu biết của họ về cuộc sống, điều kiện sống; cũng như cùng nhau lập kế hoạch; thực hiện, giám sát và đánh giá kế hoạch.

- Bộ công cụ PRA (gồm 12 công cụ được đính kèm theo tài liệu này) được sử dụng để phân tích hiện trạng, tiềm năng, thuận lợi, khó khăn của địa phương, qua đó tìm ra nguyên nhân và giải pháp cũng như xác định các mục tiêu, hoạt động cho các lĩnh vực cụ thể của năm kế hoạch.

II. QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỪ CƠ SỞ

Quy trình lập kế hoạch từ cơ sở bao gồm 5 giai đoạn:

- + Giai đoạn 1: Công tác chuẩn bị;
- + Giai đoạn 2: Lập kế hoạch;
- + Giai đoạn 3: Giao kế hoạch;

- + Giai đoạn 4: Thực hiện và giám sát quá trình thực hiện kế hoạch;
- + Giai đoạn 5: Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.

Giai đoạn 1: CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị tài liệu, văn phòng phẩm:

- Chuẩn bị các tài liệu để làm căn cứ xây dựng kế hoạch, gồm: Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ và Hội đồng Nhân dân cùng cấp; các quy hoạch về phát triển ngành, phát triển vùng lãnh thổ trên địa bàn huyện, xã; kế hoạch định hướng về phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

- Căn cứ các tài liệu trên, đồng thời căn cứ vào các nguồn lực có khả năng huy động của cấp huyện và ở cấp xã, UBND huyện chỉ đạo xây dựng kế hoạch định hướng chung của huyện, làm cơ sở để các xã xây dựng kế hoạch cho địa phương mình.

- Thu thập thông tin cơ bản của thôn, buôn, xã: Ủy ban Nhân dân xã chịu trách nhiệm thực hiện công việc này theo biểu mẫu hướng dẫn (Biểu 1,2). Việc phân tích các thông tin cơ bản sẽ là cơ sở để Ban Tự Quản thôn buôn với sự hỗ trợ của cán bộ xã xây dựng các mục tiêu phát triển và đề ra các giải pháp thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Chuẩn bị kinh phí, văn phòng phẩm như giấy, bút, đặc biệt quan tâm hỗ trợ cho cấp thôn, buôn.

2. Công tác truyền thông:

- UBND huyện chỉ đạo các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng và UBND các xã triển khai tuyên truyền, thông tin rộng rãi về mục đích, ý nghĩa của việc lập kế hoạch từ cơ sở đến tận các thôn buôn.

3. Thành lập tổ thúc đẩy các cấp:

- Tổ thúc đẩy cấp huyện với thành phần chủ chốt là Phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng ban, tổ chức liên quan như Phòng Kinh tế, phòng Tài nguyên và Môi trường, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Trạm Khuyến nông...

- Tổ thúc đẩy cấp xã gồm: cán bộ Văn phòng, cán bộ Địa chính, Kế toán, Thống kê, đại diện các tổ chức xã hội như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc...

- Tổ thúc đẩy có vai trò trực tiếp hỗ trợ, hướng dẫn quy trình, phương pháp lập kế hoạch; đồng thời cung cấp các thông tin về mục tiêu, định hướng của cấp trên cho Tổ công tác và người dân thôn, buôn trong quá trình lập kế hoạch.

4. Công tác tập huấn:

- UBND huyện giao cho phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Tổ thúc đẩy cấp huyện tổ chức tập huấn về quy trình, phương pháp lập kế hoạch; tập huấn kỹ năng thúc đẩy, hỗ trợ cho nhóm công tác các cấp; tập huấn sử dụng bộ công cụ đánh giá nhanh nông thôn (PRA).

+ Thành phần tập huấn: Tổ thúc đẩy cấp xã và cấp các thôn, buôn (mỗi thôn, buôn cử từ 3 - 4 người đại diện tham gia gồm Ban tự quản, Chi hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân hoặc những người có năng lực, uy tín trong quần chúng).

+ Ủy ban Nhân dân xã chịu trách nhiệm bố trí địa điểm, thành lập Tổ thúc đẩy xã và huy động các thành phần liên quan tham gia tập huấn.

- Thời gian: Vào giữa tháng 4 hàng năm.

Giai đoạn 2: LẬP KẾ HOẠCH

1. Lập kế hoạch thôn, buôn

a. Lập kế hoạch trung hạn (trong khoảng từ ngày 10 - 20 tháng 5):

- Kế hoạch trung hạn của thôn, buôn được xây dựng trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm; dùng bộ công cụ đánh giá nông thôn (PRA) để đánh giá thực trạng thôn buôn phục vụ cho bước xây dựng kế hoạch. Cán bộ thúc đẩy xã, huyện (đã được đào tạo) trực tiếp hướng dẫn Tổ công tác sử dụng bộ công cụ PRA và hướng dẫn xây dựng kế hoạch.

Lập kế hoạch trung hạn bao gồm 4 bước:

Bước 1: Họp thôn, buôn lần 1

- Thành phần cuộc họp: Toàn bộ công dân trong thôn, buôn và cán bộ hướng dẫn của cấp trên (Tổ thúc đẩy - do UBND xã điều động đến); tỷ lệ phụ nữ tham gia phải đạt tối thiểu 30% số người dân tham gia họp;

- Chủ trì cuộc họp: Trưởng Ban tự quản thôn, buôn (trường hợp cấp trưởng không thể dự họp thì cấp phó chủ trì);

- Nội dung cuộc họp: (1) Chủ trì cuộc họp thông báo mục đích, nội dung, yêu cầu và thời gian của việc lập kế hoạch; (2) Bầu chọn tổ công tác (khoảng 20 thành viên) và tổ trưởng tổ công tác (nên là trưởng hoặc phó ban tự quản thôn, buôn). Thành phần tổ công tác là đại diện các đoàn thể; đại diện các nhóm hộ giàu, nghèo, trung bình; đại diện cho các thành phần dân tộc và các nông dân nòng cốt; Tổ công tác phải có ít nhất 30% thành viên là phụ nữ và có ít nhất 03 người đã được đào tạo về lập kế hoạch (Tổ công tác có nhiệm vụ thu thập các thông tin cơ bản về kinh tế - xã hội và tổng hợp nhu cầu các hoạt động của thôn, buôn).

- Thời gian cuộc họp: tối đa là 01 buổi.

Bước 2: Đánh giá tình hình thôn, buôn (thời gian tối đa là 02 ngày).

- Tổ công tác thống nhất lựa chọn các công cụ (trong Bộ công cụ PRA), phù hợp với thực tế để thực hiện đánh giá tình hình thôn, buôn.

- Chia Tổ công tác thành 3 - 4 nhóm, mỗi nhóm được phân công thực hiện một số công cụ PRA theo từng chủ đề; Cử ra một trưởng nhóm chịu trách nhiệm ghi chép, tổng hợp ý kiến của các thành viên trong nhóm.

- Các nhóm tiến hành đánh giá các lĩnh vực nhóm mình phụ trách, sử dụng các công cụ PRA tương ứng; đồng thời đề xuất kế hoạch các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách của nhóm;

- Việc phân công các nhóm thực hiện đánh giá các lĩnh vực phải phù hợp với trình độ, khả năng tương ứng về lĩnh vực đó của các thành viên trong nhóm; các vấn đề về phụ nữ phải do nhóm phụ nữ thực hiện.

Bước 3: Họp Tổ công tác

- Sau khi các nhóm thực hiện xong việc đánh giá tình hình thôn, buôn; Tổ trưởng Tổ công tác chủ trì cuộc họp chung toàn tổ, để:

- + Đại diện từng nhóm trình bày kết quả đánh giá và các hoạt động đề xuất của nhóm mình;

- + Các thành viên của nhóm khác tham gia đóng góp ý kiến;

- + Chấm điểm, bình chọn, sắp xếp các hoạt động theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên: mức độ cấp thiết, dễ làm, các đề xuất của phụ nữ, ít lệ thuộc vào bên ngoài, phù hợp với cách làm của thôn, buôn;

- Dùng kết quả đã bình chọn để xây dựng bảng tổng hợp các hoạt động (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên). Kết quả này được xem như là Dự thảo kế hoạch trung hạn của thôn, buôn để trình ra cuộc họp thôn, buôn lần thứ hai (Biểu 3).

- Lưu ý: Tổ trưởng (hoặc cử 1 thư ký) ghi chép, tổng hợp kết quả của các nhóm thành một kế hoạch chung.

Bước 4: Họp thôn, buôn lần 2.

- Thành phần: Như cuộc họp lần thứ nhất;

- Chủ trì cuộc họp: Trưởng Ban tự quản thôn, buôn (trường hợp cấp trưởng không thể dự họp thì cấp phó chủ trì);

- Nội dung: Trên cơ sở bảng kế hoạch dự thảo theo đề xuất của Tổ công tác, tiến hành bình chọn lại thứ tự ưu tiên theo giới cho các hoạt động để xây dựng kế hoạch trung hạn chính thức của thôn, buôn;

- Cách làm: Trưởng thôn, buôn phổ biến mục đích và nội dung cuộc họp.

- + Chia các thành viên tham gia cuộc họp thành 2 nhóm: nhóm nam và nhóm nữ;

- + Từng nhóm cử ra nhóm trưởng để ghi chép và tổng hợp ý kiến, sau đó tiến hành chấm điểm để bình chọn lại thứ tự ưu tiên cho các hoạt động trong bảng kế hoạch đề xuất của Tổ công tác;

- + Nhóm trưởng tổng hợp và trình bày kết quả của nhóm mình trước toàn cuộc họp.

- Tổ trưởng Tổ công tác tổng hợp kết quả của hai nhóm và trình bày trước toàn thể cuộc họp. Đây là bản kế hoạch trung hạn chính thức của thôn, buôn sẽ được gửi lên UBND xã.

- Thời gian cuộc họp: 01 buổi.

b. Lập kế hoạch hàng năm (20-30 tháng 5)

Trước khi xây dựng kế hoạch, Trưởng Ban tự quản thôn, buôn huy động lại Tổ công tác lập kế hoạch trung hạn hoặc đã tham gia lập kế hoạch của năm trước; nếu thiếu thì lựa chọn để bổ sung thành viên mới; thành phần Tổ công tác phải đảm bảo theo quy định nêu trong Bước 1 - Lập kế hoạch trung hạn. Tổ công tác có nhiệm vụ lập kế hoạch thôn buôn theo trình tự các bước sau:

Bước 1: Đánh giá chung tình hình thôn, buôn và tình hình thực hiện kế hoạch của năm trước.

- Nội dung đánh giá:
 - + Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất, trong cải thiện đời sống, sinh hoạt của nhân dân trong thôn, buôn;
 - + Những kết quả chủ yếu trong hoạt động sản xuất của năm;
 - + Tình hình thực hiện các hoạt động được giao kế hoạch trong năm về: Tiến độ thực hiện, chất lượng hoạt động (tốt hay xấu); kết quả thực hiện vốn đầu tư (của nhà nước cấp, của nhà tài trợ, của nhân dân đóng góp); công tác quản lý, giám sát; tác động của công trình, hoạt động đến đời sống của người dân ...
- Thời gian thực hiện: trong khoảng 2 giờ.

Bước 2: Lập kế hoạch

- Căn cứ kế hoạch trung hạn đã được xây dựng của thôn, buôn; trên cơ sở kết quả đã đánh giá của bước một, hội nghị tiến hành thảo luận và lựa chọn các hoạt động (trên cơ sở theo thứ tự ưu tiên trong kế hoạch trung hạn); có thể bổ sung hoạt động mới nếu thấy thực sự cần thiết;
- Lựa chọn hoạt động cần thiết và có tính khả thi cao để đưa vào kế hoạch. Phân loại các hoạt động theo 2 phần:
 - + Phần một: Những hoạt động do thôn, buôn tự huy động vốn, công lao động để thực hiện;
 - + Phần hai: Đề xuất tối đa 2 (hai) hoạt động có ngân sách xã, ngân sách huyện hỗ trợ.
- Tiến hành cho điểm và sắp xếp thứ tự ưu tiên cho các hoạt động (như biểu 4);
- Thời gian thực hiện: Trong khoảng 2 đến 3 giờ.

Bước 3: Thông qua kế hoạch

- Tổ chức cuộc họp thôn, buôn để lấy ý kiến của toàn dân, cuộc họp do Trưởng Ban tự quản thôn, buôn chủ trì (hoặc có thể kết hợp thông qua toàn dân trong một cuộc họp thôn, buôn có nội dung khác, nhưng phải đảm bảo hoàn thành để nộp lên UBND xã theo đúng quy định về mặt thời gian).

- Lưu ý: Nếu thời điểm lập kế hoạch hàng năm trùng với thời điểm lập kế hoạch trung hạn, thì sẽ tiến hành như sau:

+ Ngay sau khi lập xong kế hoạch trung hạn, Tổ công tác tiến hành chọn một số hoạt động (trong bảng kế hoạch trung hạn đã được lập) để đưa vào kế hoạch năm tới và thông qua ngay tại cuộc họp thôn, buôn (trình tự thực hiện như bước 2 và bước 3 ở trên.

- Thời gian thực hiện: trong khoảng từ 2 đến 3 giờ đồng hồ.

2. Lập kế hoạch cấp xã (Thời gian: 01 ngày; Thời điểm: đầu tháng 6)

Bước 1: Chuẩn bị căn cứ, tài liệu:

- Nghị quyết về phát triển kinh tế, xã hội 5 năm, hàng năm của Đảng bộ, của Hội đồng Nhân dân huyện; Kế hoạch định hướng của Ủy ban Nhân dân huyện;

- Nghị quyết về phát triển kinh tế, xã hội của Đảng bộ, của Hội đồng Nhân dân xã; Hệ thống số liệu cơ bản của xã;

- Kế hoạch của các thôn, buôn đệ trình lên.

Bước 2: Thành lập Tổ xây dựng kế hoạch:

-Ủy ban Nhân dân xã thành lập Tổ xây dựng kế hoạch, với thành phần: Đại diện lãnh đạo UBND xã (Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch - làm tổ trưởng); cán bộ Văn phòng UBND xã, địa chính, thống kê, kế toán...

Bước 3. Xây dựng kế hoạch

- Phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm báo cáo

- Sử dụng các biểu mẫu (xem phụ lục đính kèm):

+ Sử dụng Biểu số 1,2 để tổng hợp các chỉ tiêu và số liệu cơ bản từ kế hoạch thôn buôn;

- Tổng hợp danh mục nhu cầu đầu tư và dịch vụ công từ kế hoạch của các thôn buôn (sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của kế hoạch thôn, buôn Biểu 4), có xem xét ưu tiên của nam và nữ; Ưu tiên các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật. Đề xuất tối đa 2 (hai) hoạt động cho mỗi thôn, buôn có ngân sách xã, ngân sách huyện hỗ trợ.

- Đề xuất bổ sung nhu cầu chung của xã;

-(Tổng hợp dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của xã bao gồm các phụ lục Biểu B1 & B2), và nhu cầu dịch vụ công (Biểu số 5); danh mục nhu cầu đầu tư (Biểu số 6)

Bước 4: Thông qua kế hoạch.

- Ủy ban Nhân dân xã triệu tập hội nghị thông qua kế hoạch đã được dự thảo.

Thành phần:

+ Đại diện Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng Nhân dân xã;

+ Lãnh đạo UBND xã; Đại diện các bộ phận thuộc UBND xã như: văn phòng, kế toán, địa chính, khuyến nông, văn hóa – xã hội v.v...

+ Đại diện các tổ chức đoàn thể bao gồm: Mặt trận xã, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên v.v...

+ Đại diện Ban tự quản các thôn, buôn (trưởng hoặc phó).

- Cách tiến hành hội nghị:

+ Đại diện Ủy ban Nhân dân xã trình bày dự thảo kế hoạch, bao gồm: phân tích đánh giá tình hình chung của xã, tình hình thực hiện, ước thực hiện kế hoạch năm báo cáo của toàn xã; dự thảo các chỉ tiêu, mục tiêu phấn đấu; danh mục nhu cầu đầu tư và nhu cầu dịch vụ công.

+ Nếu có sự thay đổi nội dung kế hoạch của thôn, buôn trong kế hoạch xã thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã có trách nhiệm phân tích, giải thích và làm rõ lý do có sự thay đổi đó để đi đến thống nhất.

+ Đại diện các thôn, buôn có thể giải trình, bảo vệ nội dung kế hoạch của thôn, buôn mình trong hội nghị nếu thấy cần thiết.

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã sau khi hoàn thành phải được gửi lên Ủy ban Nhân dân huyện và Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp chung.

3. Lập kế hoạch cấp huyện

a. Các căn cứ để lập kế hoạch

- Nghị quyết về phát triển kinh tế, xã hội 5 năm của Đảng bộ, của Hội đồng nhân dân huyện; Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế, xã hội của huyện;

- Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch của tỉnh;

- Kế hoạch của các xã đệ trình lên;

- Các nguồn lực về tài chính dự kiến từ ngân sách tỉnh hỗ trợ, các chương trình mục tiêu, các khoản thu được để lại cho ngân sách huyện và các khoản đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, của nhân dân trên địa bàn huyện.

b. Thời điểm tiến hành lập kế hoạch: trong khoảng từ ngày 20 tháng 6 đến ngày 15 tháng 7 hàng năm.

c. Tổ chức lập kế hoạch

Bước 1: Tổng hợp kế hoạch

- UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm, dự báo khả năng thực hiện kế hoạch cả năm, xem xét nhu cầu ưu tiên trong kế hoạch cấp xã để xây dựng dự thảo kế hoạch.

- Việc lồng ghép các nhu cầu ưu tiên của cấp xã vào kế hoạch huyện được thực hiện như sau:

+ Tổng hợp và điều chỉnh các chỉ tiêu từ kế hoạch xã;

+ Tổng hợp các hoạt động ưu tiên của các xã trong bảng nhu cầu dịch vụ công và nhu cầu đầu tư; sắp xếp các hoạt động này theo từng lĩnh vực;

+ Căn cứ vào khả năng nguồn vốn (vốn đầu tư, vốn sự nghiệp, vốn chương trình mục tiêu và các nguồn vốn khác), tiến hành lồng ghép các hoạt động ưu tiên của xã vào nguồn vốn tương ứng, chú trọng vào các hoạt động xóa đói giảm nghèo và ưu tiên cho nhóm đồng bào dân tộc thiểu số.

Sau đó, gửi kế hoạch dự thảo cho các phòng ban liên quan để tham khảo, xin ý kiến sửa đổi, bổ sung.

- Trên cơ sở góp ý của các đơn vị, tiến hành tổng hợp, bổ sung và tổ chức trình bày, xin ý kiến của thường trực UBND huyện.

Bước 2: UBND huyện tổ chức hội nghị thông qua kế hoạch:

- Thành phần: Thường trực Huyện uỷ, Thường trực Hội đồng Nhân dân và Thường trực UBND huyện;

Đại diện các cơ quan: Văn phòng HĐND, Văn phòng UBND huyện; Đại diện các phòng, ban, các tổ chức xã hội. Đại diện lãnh đạo UBND các xã, thị trấn.

- Nội dung:

+ Đại diện lãnh đạo UBND huyện (hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch) trình bày dự thảo kế hoạch; phân tích, giải thích phương pháp, cách làm và nội dung kế hoạch.

+ Các phòng, ban liên quan trình bày các nhu cầu ưu tiên của xã được đưa vào kế hoạch;

+ Thành viên hội nghị tham gia đóng góp ý kiến, đề nghị điều chỉnh, bổ sung (nếu có);

Bước 3: Hoàn chỉnh và trình kế hoạch huyện

- Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm hoàn thiện kế hoạch dự thảo và trình UBND huyện thông qua để trình lên Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Giai đoạn 3: GIAO KẾ HOẠCH

1. Đối với cấp huyện:

- Thời điểm giao kế hoạch: đầu tháng 1 hàng năm;

- Sau khi nhận được các chỉ tiêu kế hoạch từ cấp tỉnh, HĐND huyện triệu tập cuộc họp thông qua để ra nghị quyết. Trên cơ sở Nghị quyết của HĐND, Phòng TC-KH tham mưu cho UBND huyện phân bổ và giao chỉ tiêu cho các xã và các phòng ban liên quan.

2. Đối với cấp xã:

- Thời điểm: cuối tháng 1 hàng năm
- Sau khi nhận được kế hoạch UBND huyện giao, UBND xã chịu trách nhiệm phân bổ lại chỉ tiêu cho các thôn, buôn để thực hiện.
- Các chỉ tiêu kế hoạch giao cho xã và thôn buôn được trưng bày tại uỷ ban xã để mọi người dân được biết

Giai đoạn 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Tại thôn, buôn:

- Sau khi được Uỷ ban Nhân dân xã giao kế hoạch, Ban tự quản thôn, buôn phổ biến và hướng dẫn các thành viên trong thôn, buôn thực hiện kế hoạch. Đồng thời tập hợp những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch để báo cáo lãnh đạo xã cho ý kiến chỉ đạo và tạo điều kiện hỗ trợ.

- Đối với hoạt động, công trình xây dựng do thôn, buôn tự huy động và thực hiện. Thôn, buôn thành lập 2 nhóm: Nhóm quản lý và Nhóm giám sát. Các nhóm này có trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý và giám sát quá trình thực hiện các hoạt động.

- Uỷ ban Nhân dân xã có trách nhiệm hỗ trợ thôn, buôn trong quá trình thực hiện các các hoạt động;

- Trường hợp có hỗ trợ nguồn vốn từ bên ngoài, xã sẽ tiếp nhận các nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức bên ngoài thông qua tài khoản của xã và cung cấp nguồn vốn này cho các thôn, buôn; cùng tham gia với thôn, buôn ký kết các hợp đồng thực hiện hoạt động; làm đầu mối trình cơ quan cấp huyện phê duyệt các bản dự toán do thôn, buôn xây dựng đối với các hoạt động do thôn, buôn tự tổ chức thực hiện; tham gia nghiệm thu và bàn giao công trình sau khi hoàn thành; tổng hợp các chứng từ kế toán để quyết toán với các đơn vị tài trợ; thông báo công khai các nguồn tài chính cho thôn, buôn biết.

2. Cấp xã:

- Sau khi Uỷ ban Nhân dân huyện giao kế hoạch, Uỷ ban Nhân dân xã có trách nhiệm phổ biến, chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, đơn vị, các thôn, buôn thực hiện thắng lợi kế hoạch.

- Đối với các công trình xây dựng do Uỷ ban Nhân dân xã làm chủ đầu tư, phải thành lập Ban quản lý công trình và Ban giám sát thực hiện công trình để tiến hành thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư - xây dựng.

- Định kỳ hàng tháng, quý, Uỷ ban Nhân dân xã phải có báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch lên Uỷ ban Nhân dân huyện đồng thời có báo cáo kết thúc năm kết hoạch (đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch) lên Uỷ ban Nhân dân huyện vào cuối năm.

Giai đoạn 5: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Đối với thôn, buôn:

- Trước khi xây dựng kế hoạch, Trưởng thôn, buôn cùng với Tổ công tác có trách nhiệm đánh giá tình hình thực hiện tất cả các hoạt động của kế hoạch kỳ trước, tập trung vào các nội dung sau:

- + Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch;
- + Đánh giá chất lượng, tiến độ của công việc;
- + Tác động của các hoạt động đối với đời sống của nhân dân trong thôn, buôn;
- + Công khai tài chính của các hoạt động đã thực hiện.

- Kết quả đánh giá sẽ được Trưởng Ban tự quản thôn, buôn trình bày tại hội nghị xây dựng kế hoạch; đồng thời báo cáo lên Ủy ban Nhân dân xã để biết và tổng hợp chung cho toàn xã.

2. Đối với Ủy ban Nhân dân xã:

- Hàng năm Ủy ban nhân dân xã tổ chức đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của cấp mình 2 lần, lần thứ nhất tiến hành đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm (trước khi tiến hành lập kế hoạch) và lần thứ hai đánh giá tình hình thực hiện cả năm (vào tháng 12 hàng năm).

- Về nội dung, đánh giá về tiến độ và chất lượng các hoạt động đã triển khai; đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch cũng như các vấn đề khó khăn vướng mắc cần được tháo gỡ; đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được cấp trên giao; so sánh giữa kết quả hoàn thành so với kế hoạch và so sánh với năm trước.

- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của UBND xã phải được gửi lên Ủy ban Nhân dân huyện.

3. Đối với cấp huyện

Trên cơ sở báo cáo của các xã và tình hình chung của toàn huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chịu trách nhiệm tổng hợp, phân tích và phối hợp với các phòng, ban trong huyện để giúp Ủy ban Nhân dân huyện xây dựng báo cáo đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch của toàn huyện. Hàng năm tiến hành đánh giá 2 lần: Lần thứ nhất đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm (trước khi xây dựng kế hoạch năm sau); lần thứ hai đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch cả năm (thực hiện vào cuối năm).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tiến độ triển khai lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ cơ sở

- Lập kế hoạch năm 2008: Thực hiện ở 04 huyện: Huyện Lắk, Huyện Ea Hleo, Huyện Ea Kar, Huyện Krông Năng.

- Lập kế hoạch năm 2009: Thực hiện ở 08 huyện, bao gồm: Huyện Lắk, Huyện Ea Hleo, Huyện Ea Kar, Huyện Krông Năng (tiếp tục); Nhân rộng thêm 04 huyện: Huyện Ea Súp, Huyện Buôn Đôn, Huyện Ma Drak, Huyện Krông Bông.

- Lập kế hoạch năm 2010: Thực hiện ở tất cả 13 huyện, thành phố, bao gồm: Huyện Lắk, Huyện Ea Hleo, Huyện Ea Kar, Huyện Krông Năng, Huyện Ea Súp, Huyện Buôn Đôn, Huyện Ma Drak, Huyện Krông Bông (tiếp tục); Nhân rộng ở 05 huyện, thành phố: Huyện Krông Buk, Huyện Krông Pách, Huyện Cư Mgar, Huyện Krông Ana và các xã của Thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị

a. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư: Triển khai đến Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Quy trình này vào công tác Xây dựng kế hoạch hàng năm; Phối hợp với Ban quản lý Dự án Phát triển nông thôn tổ chức hướng dẫn cho các huyện, thành phố thành lập nhóm công tác, nhóm tiểu giảng viên cấp huyện và tổ chức tập huấn, hướng dẫn Quy trình cho các tổ chức này;

b. Giám đốc Sở Tài chính: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối nguồn vốn sự nghiệp kinh tế cho UBND các huyện, thành phố để thực hiện chương trình này; hướng dẫn việc phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán đối với nguồn vốn này khi triển khai thực hiện ở các cấp.

c. Các đơn vị có quản lý Chương trình mục tiêu Quốc gia: Ban Dân tộc; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Giáo dục - Đào tạo, Sở Y tế phối hợp lồng ghép nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia để triển khai ở các huyện đạt hiệu quả cao nhất.

d. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho UBND các xã, thị trấn và Ban tự quản thôn, buôn, khối phố về phương pháp lập kế hoạch theo Quy trình; Lập kế hoạch định hướng của cấp huyện để làm cơ sở cho các xã lập kế hoạch cấp xã; Thực hiện lồng ghép kế hoạch của các xã, thị trấn (đã tổng hợp từ kế hoạch của thôn, buôn, khối phố) vào kế hoạch chung của huyện; Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn: Vốn sự nghiệp kinh tế, vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn của các nhà tài trợ, các hoạt động dịch vụ công như khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công và huy động đóng góp từ nhân dân trong thôn, buôn thực hiện những hoạt động đã được lựa chọn; Hàng năm phải đảm bảo có từ 1 (một) đến 2 (hai) hoạt động cho mỗi thôn, buôn có ngân sách xã, ngân sách huyện hỗ trợ; ưu tiên các hoạt động dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật.

Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, UBND các xã và thôn, buôn, khối phố thực hiện lập kế hoạch theo đúng Quy trình.

e. Ban quản lý Dự án Phát triển nông thôn Đắk Lắk cân đối vốn ODA và phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện để hỗ trợ công tác tập huấn và hướng dẫn thực hiện quy trình cho các huyện, các xã, các thôn, buôn;

3. Chế độ báo cáo

- Hàng năm, các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (và Sở Kế hoạch và Đầu tư) kết quả bố trí, lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình thuộc phạm vi đơn vị quản lý để thực hiện Quy trình và kết quả thực hiện Lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ cơ sở ở địa phương.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện lập kế hoạch theo Quy trình ở các huyện; Tiếp nhận và tổng hợp báo cáo của các sở, ngành, địa phương; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Quy trình./.

CHỦ TỊCH
Lữ Ngọc Cư
(Đã ký)

Phụ Lục 1: Các Bảng biểu lập kế hoạch

BIỂU B1

UBND XÃ (TT):.....

THÔN/BUÔN:.....

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN
CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2006	Năm 2007		Kế hoạch 2008
				Kế hoạch	Ước T/hiện	
A	Nông nghiệp					
	* Tổng diện tích gieo trồng	Ha				
	* Tổng SL lương thực	Tấn				
I	Cây lương thực	Ha				
1	Lúa					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	+ Lúa đông xuân					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	+ Lúa vụ mùa					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	Lúa nước					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	Lúa cạn					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
2	Ngô					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	Vụ hè thu					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	Vụ thu đông					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
II	Cây lấy bột	Ha				
1	Sắn					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
2	Lang					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	Vụ đông xuân					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	Vụ Hè thu					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	Vụ Thu đông					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
3	Cây lấy bột khác					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
III	Cây thực phẩm	Ha				
1	Đậu xanh					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	Vụ Hè thu					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
	Vụ Thu đông					
	- Diện tích	Ha				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2006	Năm 2007		Kế hoạch 2008
				Kế hoạch	Ước T/hiện	
	- Sản lượng	Tấn				
2	Đậu các loại	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
	<i>Vụ hè thu</i>	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
	<i>Vụ thu đông</i>	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
3	Rau quả các loại	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
	<i>Vụ đông xuân</i>	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
	<i>Vụ Hè thu</i>	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
	<i>Vụ Thu đông</i>	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
IV	Cây công nghiệp ngắn ngày	Ha				
1	Đậu nành	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
	<i>Vụ hè thu</i>	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
	<i>Vụ thu đông</i>	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
2	Đậu phụng	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
	<i>Vụ hè thu</i>	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
	<i>Vụ thu đông</i>	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
3	Bông	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
4	Cây mía	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
5	Cây khác	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
						
						
V	Cây lâu năm					
1	Cà phê	- Diện tích	Ha			
	- Sản lượng	Tấn				
2	Cây cao su					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
3	Hồ tiêu					

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2006	Năm 2007		Kế hoạch 2008
				Kế hoạch	Ước T/hiện	
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
4	Cây Điều					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
5	Cây ca cao					
	- Diện tích	Ha				
	- Sản lượng	Tấn				
6	Cây ăn quả các loại	cây				
	Sầu riêng	Cây				
	Chôm chôm	Cây				
	Bơ	Cây				
	Xoài	Cây				
	Chuối	Bụi				
	Mít	Cây				
	Cam	Cây				
						
						
B	Chăn nuôi					
	- Tổng đàn Trâu	con				
	- Tổng đàn Bò	con				
	- Tổng đàn Dê	con				
	- Heo	con				
	- Sản lượng thịt hơi (Trâu bò dê)	Tấn				
	- Sản lượng thịt Heo hơi	Tấn				
	- Tổng đàn Ong mật	Đàn				
	- Tổng đàn Gia cầm	1000con				
C	Nuôi trồng thủy sản					
	- DT mặt nước, ao hồ, nuôi trồng thủy sản	Ha				
	- Sản lượng cá, tôm	Tấn				
D	Lâm nghiệp					
	- Rừng sản xuất	ha				
	- Cộng đồng quản lý	ha				
	- Nhà nước quản lý	ha				
	- Rừng bảo vệ	ha				
	- Cộng đồng quản lý	ha				
	- Nhà nước quản lý	ha				
	- Rừng trồng	ha				
	- Cộng đồng quản lý	ha				
	- Nhà nước quản lý	Ha				
E	Công nghiệp -TTCN & xây dựng					
1	Số lượng một số sản phẩm CN chủ yếu					
2	Đá xây dựng các loại	1.000 m ³				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2006	Năm 2007		Kế hoạch 2008
				Kế hoạch	Ước T/hiện	
3	Cát xây dựng	1.000 m ³				
4	Gạch nung quy chuẩn	10 ⁶ Viên				
5	Gạch lát các loại	10 ³ Viên				
6	Phân vi sinh	Tấn				
7	Nước giải khát, nước lọc, sữa đậu nành	1.000 lít				
8	Đá cây, nước tinh khiết	Tấn				
9	Xay xát lương thực	1.000 Tấn				
10	Muối I-ốt	Tấn				
11	Bánh kẹo các loại	Tấn				
12	Cà phê bột	Tấn				
13	Thức ăn gia súc	Tấn				
14	Chế biến cà phê nhân	1.000 tấn				
15	Hạt điều	Tấn				
16	Sơ chế bông	Tấn				
17	Tinh bột sắn	Tấn				
18	Đường các loại	1.000 tấn				
19	Ống nước nhựa	Tấn				
20	Dây dếp các loại	Đôi				
21	Quần áo	1.000 SP				
22	Gỗ xẻ các loại	m ³				
23	Gỗ tinh chế	m ³				
24	Than tổ ong	Tấn				
25	Bao bì các loại	1.000 C				
26	Cửa sắt, nhôm các loại	m ²				
27	Trung đại tu ô tô	Chiếc				
28	Bơm ly tâm	Chiếc				
29	Thiết bị chế biến nông sản	Chiếc				
30	Lưới thép	1.000 m ²				
31	Cán tôn	1.000 m ²				
32	Mộc dân dụng	Bộ				
33	Điện thương phẩm	10 ⁶ Kwh				
34	Nước máy ghi thu	1.000 m ³				
						
						
						

Ghi chú: - Những chỉ tiêu có trong biểu mẫu mà trong thực tế ở xã, thôn/buôn không có thì để trống.
- Có thể ghi bổ sung những chỉ tiêu không có trong biểu (nếu cần thiết)
- Cấp xã và thôn buôn đều dùng chung hệ thống biểu mẫu này

BIỂU B2

UBND XÃ (TT):.....
 THÔN/BUÔN:.....

**CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI - XOÁ ĐÓI, GIẢM NGHÈO
 VÀ CƠ SỞ HẠ TẦNG**

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2006	Năm 2007		Kế hoạch 2008
				Kế hoạch	Ước T/hiện	
1	Đơn vị thôn, buôn, tổ dân phố					
	Số thôn, buôn, tổ dân phố	Đơn vị				
	Trong đó					
	- Số thôn, buôn, tổ dân phố khó khăn	"				
	- Số thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số	"				
	- Số thôn, buôn đồng bào DT thiểu số tại chỗ	"				
2	Xóa đói giảm nghèo					
	- Tổng số hộ trên địa bàn	Hộ				
	Trong đó:					
	+ Hộ dân tộc thiểu số	Hộ				
	+ Hộ dân tộc thiểu số tại chỗ	Hộ				
	- Tổng số khẩu trên địa bàn (Cuối năm)	Khẩu				
	Trong đó:					
	+ Số nhân khẩu là đồng bào DT thiểu số	Khẩu				
	+ Số nhân khẩu là đồng bào DTTS tại chỗ	Khẩu				
	- Tổng số hộ nghèo (theo chuẩn mới quốc gia)	Hộ				
	Trong đó:					
	+ Hộ dân tộc thiểu số	Hộ				
	+ Hộ dân tộc thiểu số tại chỗ	Hộ				
	- Số hộ thoát nghèo trong năm	Hộ				
	Trong đó:					
	+ Hộ dân tộc thiểu số	Hộ				
	+ Hộ dân tộc thiểu số tại chỗ	Hộ				
	- Số hộ tái nghèo trong năm					
	+ Hộ dân tộc thiểu số	Hộ				
	+ Hộ dân tộc thiểu số tại chỗ	Hộ				
3	Cung cấp các dịch vụ CSHT thiết yếu					
	- Số hộ sử dụng điện	Hộ				
	- Số hộ được sử dụng nước sạch	Hộ				
	- Số điện thoại	Máy				
	+ Thuê bao cố định	"				
	+ Thuê bao di động	"				
4	Tạo việc làm					
	- Số người tham gia lao động	Người				
	- Số người trong độ tuổi lao động	Người				
	- Số người trong độ tuổi LĐ có khả năng LĐ	Người				
	- Số người lao động được đào tạo	Người				
	- Số LĐ được giải quyết việc làm trong năm	Người				
	- Số hộ được vay vốn tạo việc làm	Hộ				
	- Số hộ nghèo được vay vốn	"				

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2006	Năm 2007		Kế hoạch 2008
				Kế hoạch	Ước T/hiện	
	+ Trong đó + Hộ nghèo đồng bào DTTS	"				
	+ Hộ do nữ làm chủ hộ	"				
5	Giáo dục và đào tạo					
	- Số cán bộ tốt nghiệp cao đẳng trở lên/vạn dân	Cán bộ				
	- Tổng số học sinh đầu năm học	HS				
	+ Mẫu giáo	"				
	-Trong đó: Dân tộc thiểu số	"				
	+ Tiểu học	"				
	-Trong đó: Dân tộc thiểu số	"				
	+ Trung học cơ sở	"				
	-Trong đó: Dân tộc thiểu số	"				
	+ Phổ thông trung học	"				
	-Trong đó: Dân tộc thiểu số	"				
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi	%				
	+ Tiểu học	"				
	+ Trung học cơ sở	"				
	+ Trung học phổ thông	"				
	- Tổng số trường học	Trường				
	+ Mẫu giáo	"				
	Trong đó: số trường đạt chuẩn quốc gia					
	+ Tiểu học	"				
	Trong đó: số trường đạt chuẩn quốc gia					
	+ Trung học cơ sở	"				
	Trong đó: số trường đạt chuẩn quốc gia					
	+ Trung học phổ thông	"				
	Trong đó: số trường đạt chuẩn quốc gia					
	- Tổng số phòng học	Phòng				
	+ Kiên cố	"				
	+ Bán kiên cố	"				
	+ Tạm	"				
6	Y tế					
	- Số lượt người đến KB tại trạm y tế xã, thị trấn					
	- Tỷ lệ tử vong của trẻ dưới 1 tuổi	‰				
	- Tỷ lệ tử vong của trẻ dưới 5 tuổi	‰				
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi	%				
	- Số người nghèo được cấp thẻ BHYT	Người				
	- Số trẻ dưới 6 tuổi được KC bệnh miễn phí	Cháu				
7	Văn hóa, Thể dục thể thao					
	- Số thôn, buôn, TDP có hội trường sinh hoạt	Thôn				
	- Số buôn đã có nhà sinh hoạt cộng đồng	Buôn				
	- Số hộ được xem truyền hình	Hộ				
	- Số hộ có ti vi	Hộ				
	- Số điểm vui chơi văn hóa cho trẻ em	Điểm				
	- Tổng số buôn đồng bào DTTS	Buôn				

S T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2006	Năm 2007		Kế hoạch 2008
				Kế hoạch	Ước T/hiện	
	- Số buôn đã được QH đất cho VH-TDĐT	Buôn				
	- Số thôn, buôn đạt TC thôn, buôn văn hóa	Buôn				
	- Số hộ GD đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá	Hộ				
	- Số gia đình được công nhận gia đình TDTT	Hộ				
8	Bảo vệ môi trường bền vững					
	- Số thôn, buôn, tổ dân phố thu gom rác thải	Thôn				
	- Số hộ tham gia thu gom rác thải	Hộ				
	- Số hộ có nhà vệ sinh tạm (tranh, tre...)	Hộ				
	- Số hộ có công trình vệ sinh hợp vệ sinh	Hộ				
9	Cơ sở hạ tầng					
a	Giao thông					
	- Đường dân sinh (nội thôn/buôn)	Km				
	+ Đường nhựa	Km				
	+ Đường cấp phối	Km				
	+ Đường đất	Km				
	- Tổng số cầu, cống	Cái				
	+ Trong đó: Cầu cống tạm bợ	Cái				
b	Thủy lợi					
	- Đập thủy lợi trong thôn/buôn	Đập				
	+ Trong đó: đập kiên cố	Đập				
	- Tổng chiều dài kênh mương	Km				
	+ Trong đó: Kênh mương kiên cố	Km				
	- Tổng số diện tích cần tưới tiêu	Ha				
	+ Trong đó: Diện tích được tưới	Ha				
c	Xây dựng khác					
	- Số hộ nghèo được hỗ trợ làm nhà	Hộ				

Ghi chú: - Những chỉ tiêu có trong biểu mẫu mà trong thực tế ở xã, thôn buôn không có thì để trống.

- Có thể ghi bổ sung những chỉ tiêu không có trong biểu (nếu cần thiết)
- Cấp xã và thôn buôn đều dùng chung hệ thống biểu mẫu này

BIỂU B3

UBND XÃ (TT):.....

THÔN/BUÔN:.....

KẾ HOẠCH TRUNG HẠN

Năm: Từ năm 200..... Đến năm 200...

[illegible]

Ghi chú:

Cột 1: Chuyển từ bộ công cụ PRA sang, do nhóm lập kế hoạch của thôn/buôn thực hiện.

Cột 9: ghi rõ ai /đơn vị nào chịu trách nhiệm

Cột 10: ghi rõ số kinh phí, có thể là tiền hoặc hiện vật, v.v

BIỂU B4

UBND XÃ (TT):.....

THÔN/BUÔN:.....

KẾ HOẠCH HÀNG NĂM

Năm: 200.....

[illegible]

Ghi chú:

Cột 1: ghi theo thứ tự ưu tiên các hoạt động đã được thông qua trong buổi họp dân

Cột 9: ghi rõ ai /đơn vị nào chịu trách nhiệm

Cột 10: ghi rõ số kinh phí, có thể là tiền hoặc hiện vật, v.v

Cấp thôn, buôn chỉ đề xuất tối đa 02 hoạt động hàng năm (ưu tiên cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật)

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NHU CẦU DỊCH VỤ CÔNG

Xã:

Huyện:

TT	Nội dung dịch vụ	Ưu tiên theo giới		Thời gian, địa điểm thực hiện	Ước chi phí	Ghi chú
		Nữ	Nam			
I	Dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế					
	Dịch vụ khuyến nông					
	- Dịch vụ 1					
	- Dịch vụ 2					
	- Dịch vụ 3					
	Dịch vụ khuyến lâm					
	- Dịch vụ 1					
	- Dịch vụ 2					
	- Dịch vụ 3					
	Dịch vụ thủy lợi					
	- Dịch vụ 1					
	- Dịch vụ 2					
	- Dịch vụ 3					
II	Dịch vụ giáo dục					
	- Dịch vụ 1					
	- Dịch vụ 2					
	- Dịch vụ 3					
III	Dịch vụ y tế					
	- Dịch vụ 1					
	- Dịch vụ 2					
	- Dịch vụ 3					
IV	Dịch vụ văn hóa					
	- Dịch vụ 1					
	- Dịch vụ 2					
	- Dịch vụ 3					
V	Dịch vụ khác					
	- Dịch vụ 1					
	- Dịch vụ 2					
	- Dịch vụ 3					
VI	Tổng chi phí					

BIỂU B6

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU ĐẦU TƯ

Xã:

Huyện:

[illegible]

PHỤ LỤC 2: BỘ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ NÔNG THÔN CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN (PRA)

Tổng quan về bộ công cụ PRA

Lĩnh vực chủ đề	Công cụ PRA
Lúa nước	Công cụ 1: Canh tác lúa nước
Canh tác đất dốc	Công cụ 2: Canh tác đất dốc
Vườn hộ	Công cụ 3: Cây ăn quả, vườn hộ và cây công nghiệp
Chăn nuôi	Công cụ 4: Chăn nuôi
Lâm nghiệp	Công cụ 5: Đánh giá về lâm nghiệp và lâm sản ngoài gỗ
Thị trường và cung cấp đầu vào	Công cụ 6: Đánh giá thị trường, mua bán hàng hóa và hệ thống cung cấp đầu vào
Giáo dục và y tế	Công cụ 7: Đánh giá về giáo dục Công cụ 8: Đánh giá về y tế
Cơ sở hạ tầng	Công cụ 9: Đánh giá hệ thống giao thông Công cụ 10: Đánh giá hệ thống thủy lợi
Các vấn đề khác	Công cụ 11: Cung cấp nước uống và nước sinh hoạt Công cụ 12: Vấn đề phụ nữ

PRA là gì?

PRA là một phương pháp luận giúp cho người dân nông thôn có thể chia sẻ, củng cố và phân tích kiến thức hiểu biết của họ về cuộc sống, điều kiện sống; cũng như lập kế hoạch, thực hiện và giám sát và đánh giá. Người ngoài đóng vai trò là người hỗ trợ hay người thúc đẩy trong tiến trình cho cộng đồng.

Trong tiến trình lập kế hoạch thôn buôn/ KH xã, các công cụ PRA được sử dụng để phân tích hiện trạng, tiềm năng, khó khăn và nguyên nhân, tìm ra giải pháp có thể và xác định các hoạt động liên quan cho những lĩnh vực chủ đề khác nhau. Những công cụ này được sử dụng trong suốt tiến trình đánh giá thôn PRA, công việc này do nhóm lập kế hoạch của thôn thực hiện với sự hỗ trợ của nhóm hướng dẫn cấp xã.

Sử dụng PRA như thế nào?

Nhóm lập kế hoạch phải chia ra làm nhiều nhóm nhỏ, mỗi nhóm khoảng 5 người. Tuy nhiên cũng có thể tăng số thành viên trong nhóm nếu có người nào muốn tham gia thêm.

Công việc này do nhóm cán bộ hướng dẫn cấp xã thực hiện và tài liệu hóa, tuy nhiên phải đảm bảo được ba vai trò chính khi đi đánh giá thôn tại hiện trường và tại các cuộc họp thôn:

1. Người hướng dẫn PRA
2. Người ghi chép
3. Trưởng nhóm PRA

Trong khi làm PRA nên khuyến khích phụ nữ tham gia thảo luận. Cuối đợt PRA, nhóm làm việc xác định các hoạt động liên quan để đưa vào bản Kế hoạch phát triển thôn (buôn).

Thành viên PRA

NGƯỜI THÚC ĐẨY PRA

Vai trò: Thúc đẩy sử dụng các công cụ PRA và xác định các hoạt động đưa vào KH

Hoạt động:

- giới thiệu các công cụ PRA cho nhóm lập KH của thôn
- thúc đẩy tiến trình
- là người hỗ trợ cho các cá nhân trong nhóm
- tìm cách cân bằng thảo luận giữa ‘người lấn lướt’ và ‘người trầm lặng’ và đảm bảo tất cả mọi thành viên đều có thể diễn đạt ý kiến của mình
- đảm bảo nhóm tập trung thảo luận vào chủ đề nhưng cũng phải linh hoạt đưa vào thông tin bổ sung nào quan trọng
- lập lại những gì mọi người phát biểu để xác nhận đã có sự hiểu biết chung trong thảo luận
- quản lý tốt việc phân bổ thời gian

Thái độ:

- linh hoạt, kiên nhẫn và có óc hài hước
- tránh sử dụng thuật ngữ phức tạp
- nói tiếng địa phương (nếu có thể)
- khuyến khích và động viên mọi người
- “bàn giao gậy điều khiển” cho cộng đồng càng nhiều càng tốt
- cố gắng “ẩn mình” suốt đợt đánh giá
- lắng nghe cẩn thận ý kiến của bất kỳ thành viên nào và không được dạy họ; cố gắng lôi kéo sự tham gia của ‘người trầm lặng’ và người chịu thiệt thòi

NGƯỜI GHI CHÉP

Vai trò: Ghi chép lại tất cả những thông tin quan trọng và nhận xét liên quan trong khi thực hiện các công cụ PRA

Hoạt động:

- đem theo giấy A4 để ghi chép lại những gì vẽ trên nền hoặc trên giấy A0
- đem theo tất cả vật liệu cần thiết
- quan sát sự việc từ ‘hậu trường’
- ghi chép lại tất cả những thông tin quan trọng
- phụ giúp người thúc đẩy bằng cách ra hiệu
- hỗ trợ người thúc đẩy bằng cách trực tiếp đưa ra câu hỏi nếu cần thiết

	- giúp mọi người ghi chép lại những vấn đề đã được trực quan hóa (sơ đồ, biểu đồ...) vào giấy A4 ngay sau thảo luận - quan sát và thúc đẩy ghi chép nhưng phải đảm bảo việc ghi chép phải đúng như bản gốc, có trình tự, ngày tháng và địa điểm - cùng ngồi lại bàn với người thúc đẩy về phần ghi chép vào cuối đợt đánh giá
Thái độ:	- là người quan sát tốt - mặc dù vai trò của người ghi chép là thụ động trong suốt đợt đánh giá, song người ghi chép lại giữ trách nhiệm chính trong việc chuyển phần ghi chép thành kết quả hữu dụng và trực quan lại cho cả nhóm - quen thuộc với ngôn ngữ sử dụng - có khả năng trực quan và trình bày vấn đề, cô đọng kết quả cho nhóm PRA
TRƯỞNG NHÓM PRA	
Vai trò:	Lãnh đạo nhóm suốt quá trình thực hiện PRA
Hoạt động:	- chịu trách nhiệm về nhóm cán bộ hướng dẫn cấp xã trong suốt đợt PRA - chịu trách nhiệm về vấn đề tổ chức và hậu cần khi thực hiện PRA tại hiện trường và họp thôn - điều hành hội thảo PRA và họp hành vào buổi chiều tối - giới thiệu nhóm PRA/Nhóm lập kế hoạch cho cộng đồng - đảm bảo hội họp được bắt đầu đúng giờ - hỗ trợ các nhóm nhỏ nếu họ gặp khó khăn - điều phối các cuộc hội thảo tại thôn và thúc đẩy trình bày nhóm - thúc đẩy tiến trình tóm tắt và tài liệu hóa của các nhóm nhỏ khi vừa sử dụng xong một công cụ PRA - giao tiếp tốt với người liên lạc và tiếp nhận ý kiến đóng góp của lãnh đạo suốt hội thảo (ví dụ: để biết ai tham gia thường xuyên vào các hoạt động)
Thái độ:	- có óc tổ chức - luôn hòa nhã và kiên nhẫn, giữ bình tĩnh nếu có gì sai sót - có óc hài hước - biết ‘ẩn mình’ - biết lắng nghe, quan sát, và tư vấn

Công cụ 1: CANH TÁC LÚA NƯỚC

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

Mục tiêu: Đánh giá tình hình sản xuất lúa nước trong thôn: trình độ thâm canh, sử dụng giống, năng suất và hiệu quả
Xác định được những kỹ thuật có triển vọng và vấn đề chính
Đề ra được các giải pháp và hoạt động khắc phục phù hợp

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

Sử dụng giống và kỹ thuật canh tác	
Giống chính hiện đang sử dụng trong thôn là gì, năng suất là bao nhiêu	
Giống mới mà thôn đang sử dụng là gì, năng suất là bao nhiêu	
Bao nhiêu hộ đã và đang sử dụng giống mới	
Thôn sẽ sử dụng giống gì cho vụ mùa tới	Vụ hè thu:
	Vụ đông xuân:
Thôn thường sử dụng phân gì để bón cho lúa	
Thường có những loại sâu hay bệnh gì phá hoại mùa màng	
Những kỹ thuật gì có triển vọng trong thôn	

Bước 2: Xác định những khó khăn và nguyên nhân

Khó khăn	Nguyên nhân
Những trở ngại về thâm canh lúa nước là gì?	Nguyên nhân của những vấn đề/trở ngại đó?

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 2: CANH TÁC ĐẤT ĐỐC

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

Mục tiêu: Đánh giá tình hình canh tác đất dốc trong thôn: trình độ thâm canh, sử dụng giống, năng suất và hiệu quả

Xác định các giải pháp kỹ thuật có triển vọng và vấn đề chính

Đề ra các giải pháp và hoạt động khắc phục phù hợp

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

Cây trồng, sử dụng giống và kỹ thuật canh tác	
Hiện tại thôn đang trồng cây gì chính, giống cây và năng suất là bao nhiêu	
Giống cây mới mà thôn hiện đang sử dụng và năng suất là bao nhiêu	
Bao nhiêu hộ đang sử dụng giống mới	
Thôn đang sử dụng phân gì	
Thường có những loại sâu hay bệnh gì phá hoại mùa màng	
Thôn đã áp dụng những phương pháp nào để hạn chế xói mòn và tăng độ phì nhiêu của đất?	

Hiện tại trong thôn đang có cây trồng nào có triển vọng và giống cây	
Hiện tại trong thôn đang có kỹ thuật canh tác nào có triển vọng	

Bước 2: Xác định những khó khăn và nguyên nhân

Khó khăn	Nguyên nhân

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 3: CÂY ĂN QUẢ- VƯỜN HỘ - CÂY CÔNG NGHIỆP

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

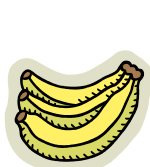
Mục tiêu: Xác định cây ăn quả, vườn hộ, và cây công nghiệp quan trọng nhất để cung cấp lương thực và tạo thu nhập trong thôn

Xác định các giải pháp kỹ thuật có triển vọng và vấn đề chính

Đề ra các giải pháp và hoạt động khắc phục phù hợp

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

Tạo một bảng để so sánh các loại cây khác nhau: thống nhất đưa loại cây nào vào và tiêu chí sử dụng



Số điểm:

● ● ● ●

● ● ● ● ● ●
● ● ● ● ●● ● ● ● ● ●
● ● ● ● ● ●● ● ● ● ● ●
● ●

Cung cấp lương thực				
Tạo thu nhập				
Kháng bệnh				
Chịu hạn				
Đất phù hợp & dễ trồng				
Chất lượng sản phẩm				
Giống có sẵn				
Mọc nhanh				
....				
TỔNG CỘNG				
XẾP HẠNG				

Bước 2: Xác định những thuận lợi (tiềm năng), khó khăn và nguyên nhân

Loại cây trồng	Những thuận lợi, tiềm năng	Khó khăn	Nguyên nhân

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 4: CHĂN NUÔI

Số lượng thành viên:

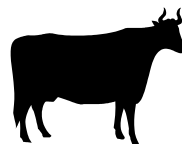
nam:

nữ:

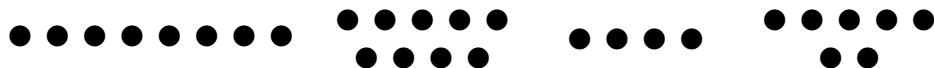
Mục tiêu: Xác định loại vật nuôi nào quan trọng nhất trong thôn
Xác định kỹ thuật có triển vọng và vấn đề chính
Đề ra các giải pháp và hoạt động khắc phục phù hợp

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

a. Tạo một
bảng để so sánh
các loại vật
nuôi khác nhau:
thống nhất đưa
loại con nào
vào và tiêu chí
sử dụng



Số điểm:



Hiện tại số lượng vật nuôi trong thôn là bao nhiêu				
Cung cấp thức ăn cho con người				
Tạo thu nhập				
Kháng bệnh				
Thức ăn cho gia súc có sẵn				
Kỹ thuật nuôi				
Dễ kiếm giống				
....				
TỔNG CỘNG				
XẾP HẠNG				

b. Thông tin bổ sung về tình hình chăn thả trong thôn:

Đất đai có sẵn cho việc chăn thả	
Các quy định cộng đồng về quản lý dịch bệnh	
Các dịch vụ thú y của huyện (chất lượng)	
Cán bộ thú y thôn, xã	

Bước 2: Xác định những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

Loại vật nuôi	Thuận lợi	Khó khăn	Nguyên nhân

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 5: ĐÁNH GIÁ VỀ LÂM NGHIỆP VÀ LÂM SẢN NGOÀI GỖ

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

- Mục tiêu:**
- Phân tích tình hình quản lý bảo vệ và sử dụng rừng
 - Phân tích việc thực hiện các chương trình của chính phủ và các dự án phát triển
 - Xác định kỹ thuật có triển vọng và vấn đề chính
 - Đề ra các giải pháp và hoạt động khắc phục phù hợp
 - Xác định lâm sản và lâm sản ngoài gỗ quan trọng nhất và nguồn thu nhập liên quan trong thôn



Với ai: Nhóm hỗn hợp có cả nam và nữ

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

- Rà soát loại rừng hiện có: rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng
- Thảo luận hiện trạng giao đất rừng
- Đánh giá việc quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng hiện tại như thế nào trong thôn (xã)
- Đánh giá những quy ước về quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng
- Đánh giá việc thực hiện các hoạt động trong chương trình quốc gia và dự án phát triển được thực hiện như thế nào (hoạt động gì, thực hiện như thế nào, kết quả đạt được)
-

Bước 2: Xác định những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

Thuận lợi	Khó khăn	Nguyên nhân

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 6: ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG, MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ HỆ THỐNG CUNG CẤP ĐẦU VÀO

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

Mục tiêu: Xác định những loại hàng hóa nào quan trọng nhất bà con thường mua bán trong thôn
Xác định tiềm năng và vấn đề chính liên quan thị trường, mua bán hàng hóa và hệ thống cung cấp đầu vào
Đề ra các giải pháp và hoạt động khắc phục phù hợp



Phương pháp: Thảo luận theo nhóm sở thích

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

A) Đánh giá thị trường

- Xác định những nông sản (gồm cả cây nông nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi) được sản xuất tại địa phương
- Xác định những lâm sản/lâm sản ngoài gỗ bà con thu hái và tạo thu nhập cho gia đình
- Xác định a/những sản phẩm nào được sử dụng trong gia đình; b/những sản phẩm nào được bán; c/những sản phẩm nào vừa sử dụng trong gia đình vừa bán
- Sản phẩm nào được bán tại thôn? Sản phẩm nào được bán ngoài thôn? Từng sản phẩm được bán như thế nào (bán tươi hay sơ chế)? Số lượng bao nhiêu cho mỗi mùa vụ? Ai là người mua/ thu mua? Giá cả đối với sản phẩm được bán và giá cả trên thị trường (sự khác biệt về giá cả)? Sản phẩm nào dễ/khó bán? Vì sao?
- Khó khăn chính gặp phải là gì (giá cả, chất lượng, số lượng, vận chuyển...)?
- Đề xuất giải pháp cho những khó khăn

B) Dịch vụ nông nghiệp

- Xác định những tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ nông lâm nghiệp (giống cây trồng vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, thú y...)
- Xác định khó khăn bà con gặp phải khi tiếp cận với các dịch vụ này?
- ...

Bước 2: Xác định những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

Thuận lợi:

Khó khăn	Nguyên nhân

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 7: ĐÁNH GIÁ VỀ GIÁO DỤC

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

Mục tiêu: Mô tả tình hình giáo dục trong thôn

Xác định vấn đề chính liên quan đến việc cho con trẻ đến trường

Tìm ra giải pháp và hoạt động phù hợp

Với ai: Nhóm hỗn hợp cả nam và nữ

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

- Tình hình giáo dục tại thôn như thế nào? Con trẻ đi học ở đâu cho từng cấp (tiểu học, THCS, THPT)
- Có những hoạt động gì liên quan đến giáo dục môi trường
- ...

Bước 2: Xác định những khó khăn và nguyên nhân

Khó khăn	Nguyên nhân
Vấn đề chính liên quan đến việc cho con trẻ đến trường	

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 8: ĐÁNH GIÁ VỀ Y TẾ

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

Mục tiêu: Mô tả tình hình chăm sóc y tế tại thôn
Xác định vấn đề chính liên quan đến y tế
Tìm ra giải pháp và hoạt động phù hợp

Với ai: Nhóm hỗn hợp cả nam và nữ

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

- Các vấn đề bệnh tật, tai nạn nghiêm trọng tại thôn là gì?
- Tình hình y tế tại thôn như thế nào?
- ...

Bước 2: Xác định những khó khăn và nguyên nhân

Vấn đề	Nguyên nhân
Vấn đề quan trọng nhất liên quan đến y tế trong thôn?	

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 9: ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG GIAO THÔNG

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

Mục tiêu: Phân tích điều kiện hiện tại nhằm đưa ra các giải pháp cải tạo nâng cấp hệ thống đường xá giao thông



Bước 1: Đánh giá hiện trạng

- Vẽ một sơ đồ thôn thể hiện các tuyến đường và cầu cống có màu và ký hiệu khác nhau (nên vẽ trên giấy A0):
 - Loại đường và cầu cống:
 - ✧ Đường thôn, liên thôn
 - ✧ Đường nối thôn bản lên xã, huyện
 - ✧ Cầu, cống tạm thời (bằng tre, gỗ chất lượng kém)
 - ✧ Cầu, cống kiên cố (bê tông cốt thép)
 - ✧ Cầu treo qua suối
- Xác định đường nào, cầu nào là quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế cho thôn
- Xem xét chất lượng đường sá và cầu cống....

Bước 2: Xác định những khó khăn và nguyên nhân

Khó khăn	Nguyên nhân

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 10: ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG THỦY LỢI

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

Mục tiêu: Đánh giá được thực trạng các công trình thủy lợi hiện có, khả năng tưới tiêu của các công trình, trách nhiệm quản lý và việc bảo dưỡng các công trình của địa phương

Xác định nhu cầu cần thiết của người dân tại thôn bản để mở rộng, xây dựng các công trình phục vụ sản xuất

Đề ra các giải pháp và hoạt động phù hợp

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

- Vẽ sơ đồ thôn thể hiện tất cả các công trình thủy lợi, suối và các nguồn nước khác nhau (khổ giấy A0)
- Điền một số thông tin chi tiết vào mỗi mục công trình trong bảng:

	Công trình 1	Công trình
Tên công trình (nguồn nước, tên suối)		
Loại đất của diện tích được tưới tiêu: (thung lũng, đất nương/ bậc thang)		
Diện tích được tưới tiêu vào mùa hè		
Diện tích được tưới tiêu vào mùa xuân		
Kích thước (chiều dài, độ sâu) của đập nước, hoạt bất kỳ loại công trình cung cấp nước khác		
Số lượng và tổng độ dài của các con mương đào		
Số lượng và tổng độ dài của các con mương kiên cố		
Ai là người quyết định việc phân phối nước, quy định thời gian đóng mở các con kênh		

Mức độ bảo dưỡng và mỗi năm bảo dưỡng trong bao nhiêu ngày		
Ai tổ chức và tiến hành bảo dưỡng?		
Số chi phí hàng năm người sử dụng chi trả cho công tác tưới tiêu (thuỷ lợi phí - nếu có)		

- Xem xét thực trạng của các công trình thuỷ lợi và xác định nhu cầu công trình nào cần phải sửa chữa, nâng cấp hoặc xây mới. Vẽ kết quả rà soát lên sơ đồ

Bước 2: Xác định những khó khăn và nguyên nhân

Khó khăn	Nguyên nhân

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 11: CUNG CẤP NƯỚC UỐNG VÀ NƯỚC SINH HOẠT

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

Mục tiêu: Mô tả thực trạng của việc cung cấp nước uống và nước sinh hoạt trong thôn

Xác định những vấn đề chính liên quan đến cung cấp nước uống và nước sinh hoạt

Đề ra các giải pháp và hoạt động phù hợp

Với ai: Nhóm hỗn hợp có nam và nữ

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

- Các hộ gia đình lấy nước uống và nước sinh hoạt ở đâu? Từ giếng, nguồn nước tự nhiên sông suối, nước mưa, ...?
- Chất lượng nước uống như thế nào?
-

Bước 2: Xác định những khó khăn và nguyên nhân

Khó khăn	Nguyên nhân
Những khó khăn nhất đối với việc cung cấp nước uống và nước sinh hoạt là gì?	

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Công cụ 12: VẤN ĐỀ PHỤ NỮ

Số lượng thành viên:

nam:

nữ:

Mục tiêu: Để giúp phụ nữ xác định và thảo luận các giải pháp nhằm cải thiện đời sống và điều kiện làm việc của họ tại thôn

Xác định thực tiễn có triển vọng và vấn đề chính

Đề ra các giải pháp và hoạt động phù hợp



Phương pháp: Thảo luận nhóm

Với ai: Nhóm nữ do nữ thúc đẩy

Bước 1: Đánh giá hiện trạng

- Hoạt động tiêu biểu của phụ nữ là gì?
- Nguồn thu nhập chính của phụ nữ là gì?
- Tổ chức phụ nữ nào hiện có trong thôn?
- ...

Bước 2: Xác định những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân

Thuận lợi, tiềm năng:

Khó khăn	Nguyên nhân

Bước 3: Đề ra các giải pháp

Giải pháp

Bước 4: Xác định các hoạt động liên quan									
Hoạt động	Đơn vị	Số lượng	Địa điểm	Khung thời gian		Đóng góp của thôn	Hỗ trợ từ bên ngoài		Ưu tiên
				Bắt đầu	Kết thúc		Đơn vị HT	Số lượng	

Ngày thực hiện

Đại diện nhóm thực hiện
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)Đại diện cho thôn buôn
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

DPI Dak Lak

Dự án Phát triển nông thôn Đắk Lắk (DPI / GTZ)
Sở Kế hoạch và Đầu tư
17 Lê Duẩn, TP Buôn Ma Thuột
Tỉnh Đắk Lắk / Việt Nam

tel. +84-(0)50-858.431/.476/.504

fax +84-(0)50-850.236

E-mail info@gtz-rddl.org

website www.rddl-daklak.org

www.gtz.de/vietnam

